

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 3 - 2019
V/v ly hôn giữa anh V và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Bà Đào Thị Thu Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cồ Văn V, sinh năm 1974 (có mặt)

Cư trú tại: Xóm 8, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

ĐKHHTT: Xóm 8, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Cồ Văn V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 12/10/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp,

bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, khoảng đầu năm 2007 vợ chồng anh sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh và chị H thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Cồ Thị H, sinh ngày 04/8/1997, hiện nay cháu H đã đủ tuổi trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng ổn định nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Cồ Thị Y, sinh ngày 01/11/2007 từ khi sinh ra đến nay cháu ở với chị H. Khi ly hôn anh và chị H đã thỏa thuận giao cháu Y cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H;

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/03/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Cồ Văn V tự do tìm hiểu, yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/1996 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Trong quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2006 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2007 vợ chồng sống ly thân, chị đi làm ăn sinh sống tại huyện T, tỉnh Điện Biên (hộ khẩu vẫn ở xã Đ, huyện N) còn anh V sống và làm ăn ở quê, cũng từ đó chị và anh V không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn chung sống đoàn tụ với nhau được nữa. Anh V có đơn xin ly hôn, chị nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định giải quyết cho chị và anh V ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh V có 02 con chung, cháu Cồ Thị H, sinh ngày 04/8/1997 đã đủ tuổi trưởng thành, lập gia đình riêng, có cuộc sống ổn định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Cồ Thị Y, sinh ngày 01/11/2007 ở với chị từ bé đến nay. Khi ly hôn chị và anh V đã thỏa thuận tiếp tục giao cháu Y cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng để nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quan điểm đã trình bày và đề nghị nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho anh Cồ Văn V ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Giao cháu Cồ Thị Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh V phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cồ Văn V và chị Nguyễn Thị H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2007 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, anh V làm đơn xin ly hôn chị H nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh V và chị H không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, sống ly thân đã lâu, có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Nguyễn Thị H của anh Cồ Văn V là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh V và chị Hiên có 02 con chung

Cháu Cồ Thị H đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập, ổn định các

đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Cháu Cồ Thị Y, khi anh V và chị H ly hôn xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, đề nghị của các đương sự, nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự giao cháu Y cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là phù hợp quy định các tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh V và chị H tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết, nên Tòa án cũng không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Cồ Văn V phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử lý hôn giữa anh Cồ Văn V và chị Nguyễn Thị H;

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Cồ Thị Y, sinh ngày 01/11/2007 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

3. Về án phí: Anh Cồ Văn V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh V đã nộp theo Biên lai số 0002168 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực (anh V đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Anh Cồ Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã Đồng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

Nguyễn Thị Ánh